

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN N
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 09/10/2018
V/v ly hôn giữa chị H và anh T.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Diễm Trang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Dương Minh Dũng**

2. Ông **Trần Tuấn Anh**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Huỳnh Minh Đức** – Thư ký Tòa án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thùy Ngân** – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 354/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2018 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 205/2018/QĐST- HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Bùi Ngọc H**, sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ: số 100A, tổ 12, KV2, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

* Bị đơn: Ông **Trần Long T**, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Địa chỉ: số 100A, Tổ 12, KV2, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/5/2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn Bùi Ngọc H trình bày:

Về hôn nhân: Bà đăng ký kết hôn với ông Trần Long T tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện C, tỉnh Hậu Giang vào ngày 22/6/2006, giấy đăng ký số 145, quyển số 01. Quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T thường xuyên vắng nhà, sống vô trách nhiệm, mà mãi lo cho những cuộc vui bên ngoài, không chăm lo vợ con. Bà đã cố gắng tìm biện pháp hàn gắn để duy trì hôn nhân nhưng không đạt được kết quả. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không, nếu tiếp tục chung sống sẽ làm ảnh hưởng đến sức khỏe và hạnh phúc của bà nên bà xin được ly hôn với ông Trần Long T.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Ngọc Thiên T1 (nữ) sinh ngày 03/9/2007. Hiện nay cháu T1 đang ở với bà, nếu ly hôn bà có nguyện vọng nuôi cháu T1, không yêu cầu ông T cấp dưỡng .

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H xác định không có.

Bị đơn ông Trần Long T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không đến tòa nên không thể ghi nhận ý kiến của ông T được.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà H giữ yêu cầu khởi kiện ban đầu và đồng ý để HĐXX xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, hội đồng xét xử và thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về thẩm quyền thụ lý vụ án là đúng,

Về nội dung giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, thấy rằng căn cứ ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở; con chung: 01 cháu đang sống với bà H và được chăm sóc nuôi dạy tốt nên đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; về cấp dưỡng không đặt ra xem xét; về tài sản chung và nợ chung không đặt ra xem xét. Trên đây là toàn bộ quan điểm về giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân quận N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân quận N nhận định:

Về thủ tục: Ông Trần Long T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông T không đến do đó Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng đối với ông T nhiều lần theo đúng quy định của pháp luật, tại phiên tòa hôm nay ông T vắng mặt không có lý do. Tòa án áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt ông T là phù hợp quy định của pháp luật.

Về hôn nhân: Bà H và ông T tự nguyện đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn nên được xem đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông T thường xuyên vắng nhà, vô trách nhiệm, chỉ lo những cuộc vui ngoài xã hội, không chăm lo cho vợ con dẫn đến bất hòa thường hay cự cãi. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã triệu tập ông T nhằm hòa giải hoàn gán nhưng ông T vẫn không đến điều đó chứng tỏ ông T không tha thiết đoàn tụ, mâu thuẫn giữa bà H và ông T đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- *Về nuôi con chung:* Bà H và ông T có 01 con chung là cháu Trần Ngọc Thiên T1 (nữ) sinh ngày 03/9/2007. Khi ly hôn, bà H có yêu cầu được nuôi cháu T1, không yêu cầu ông T cấp dưỡng. Tòa án cũng đã có văn bản xác minh về tình trạng nuôi dạy, chăm sóc cháu T1 tại địa pH, UBND phường A cũng có văn bản xác định cháu T1 được cho đi học và tâm lý ổn định, điều đó cho thấy mặc dù hôn nhân giữa bà H và ông T rạn nứt nhưng việc chăm sóc, nuôi dạy cháu T1 vẫn được bà H quan tâm đầy đủ, hơn nữa trong bản tự khai cháu T1 cũng mong muốn được ở cùng mẹ và hội đồng xét xử thấy rằng không nên làm sáo trộn cuộc sống của cháu T1, nên chấp nhận yêu cầu của bà H theo quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung, bà H không có yêu cầu ông T cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Bà H xác định không có và do xét xử vắng mặt ông T nên không đặt ra xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

Về án phí: Bà H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326 ngày 26/12/2016 của Hội đồng thẩm phán, Tòa án nhân dân tối cao quy định án phí, lệ phí tòa án.

1. *Về hôn nhân:* Cho ly hôn giữa bà Bùi Ngọc H và ông Trần Long T.

2. *Về nuôi con chung:* Giao con chung là cháu Trần Ngọc Thiên T1 (nữ) sinh ngày 03/9/2007 cho bà Bùi Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung cho ông T không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích mọi mặt của cháu T1 các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Không đặt ra xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

4. *Về án phí:* Bà Bùi Ngọc H phải chịu tiền án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí mà bà đã đóng là 300.000đồng theo biên lai thu số 007937 ngày 19/6/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố Cần Thơ, bà H không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa pH.

Nơi nhận:

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- VKSND Q. N;
- Chi cục THADS Q. N;
- UBND xã T1,
huyện C, tỉnh Hậu Giang;;
- Lưu hồ sơ vụ án.

ĐỒ THỊ ĐIỂM TRANG